

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 23- 9 - 2022.

V/v : Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nông Thúy Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Xuân.

ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đinh Thị D, sinh năm 1977.

Nơi ĐKKHKT: khu 1, thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1977.

Nơi ĐKKHKT: bản P, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2022 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đinh Thị D trình bày: bà và ông Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn ngày 13/8/1998 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Bà và ông T sinh sống đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh đập, bạo hành với bà, không quan tâm đến vợ con, dẫn đến việc bà và ông T thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà Đinh Thị D và ông T đã nhiều lần tự

hòa giải nhưng không đạt kết quả, nên đã ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: bà và ông Nguyễn Đình T có 03 con chung là Nguyễn Đình K, sinh ngày 08/3/1999, Nguyễn Đình H, sinh năm 29/6/2006 và cháu Nguyễn Thư T, sinh ngày 14/3/2012. Nay ly hôn bà đề nghị Tòa án giao 02 cháu Nguyễn Thư T và Nguyễn Đình H cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đối với cháu Nguyễn Đình K hiện nay đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Bà Đinh Thị D không yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông Nguyễn Đình T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Tòa án: bà Đinh Thị D xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Đình T. Nhưng ông T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Ngày 14/7/2022, Tòa án nhân dân huyện H đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Thọ tiến hành xác minh hoàn cảnh gia đình, tình trạng hôn nhân của bà Đinh Thị D và ông Nguyễn Đình T. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết: năm 1998 bà Đinh Thị D và ông Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn tại xã V, TP T, tỉnh Phú Thọ. Đến năm 2017 thì bà T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến cuối tháng 4 năm 2022 thì bà T về nước. Để xác minh, làm rõ tình trạng hôn nhân của bà Đinh Thị D và ông Nguyễn Đình T, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các con ông T, bà D. Kết quả được biết: bà D và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà D và ông T bất đồng quan điểm sống. Hiện nay mặc dù ở cùng nhà nhưng bà D, ông T đã ăn riêng, hai người không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng tại tòa án mà không có lý do chính đáng. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Đinh Thị D: Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông T. Về con chung: đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Đình H và Nguyễn Thu T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung: bà Đinh Thị D và ông Nguyễn Đình T không có tài sản chung và nợ chung, bà D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Bị đơn ông Nguyễn Đình T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên không xem xét. Nguyên đơn bà Đinh Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn ông Nguyễn Đình T hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn bản P, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn là ông Nguyễn Đình T. Nhưng ông T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Việc Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt ông T, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Đinh Thị D và ông Nguyễn Đình T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ ngày 13/8/1998. Hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông T phát sinh do ông bà bất đồng quan điểm sống, ông T không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ, chồng sống cùng nhà nhưng đã ăn riêng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Việc ông T vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án cho thấy ông T cũng không có ý thức xây dựng gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà D và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông T là phù hợp với tình trạng quan hệ hôn nhân của ông bà, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: bà Đinh Thị D và ông Nguyễn Đình T có 03 con chung là Nguyễn Đình K, sinh ngày 08/3/1999, Nguyễn Đình H, sinh năm 29/6/2006 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 14/3/2012. Quá trình giải quyết vụ án, bà D đề nghị Tòa án giao 02 cháu Nguyễn Thu T và Nguyễn Đình H cho bà nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi các cháu trưởng thành; bà D không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Đinh Thị D, cháu Nguyễn Đình H và Nguyễn Thu T thấy rằng, thực tế cháu H và cháu T đang ở cùng bà D tại xã V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ. Khi Tòa án tiến hành lấy lời khai, ghi nhận ý kiến của cháu H và cháu T thì các cháu đều có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ là bà Đinh Thị D. Để đảm bảo không xáo trộn cuộc sống cũng như tâm lý của trẻ em, cần giao hai cháu Nguyễn Đình H và Nguyễn Thu T cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Do đó, căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D về vấn đề con chung, giao 02 cháu Nguyễn Đình H và Nguyễn Thu T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà Đinh Thị D và ông Nguyễn Đình T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Đình T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Đinh Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bà Đinh Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: giao 02 cháu Nguyễn Đình H, sinh năm 29/6/2006 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 14/3/2012 cho bà Đình Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục kể từ tháng 06/2022 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: bà Đình Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0013581 ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Bà Đình Thị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã V, TP T, tỉnh Phú Thọ.
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nông Thúy Chính